

Số: /BC-STNMT

Thái Bình, ngày tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2022

Thực hiện Công văn số 7434/BTNMT ngày 04/12/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuẩn bị nội dung phục vụ Hội nghị tổng kết công tác năm 2021 của ngành tài nguyên và môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình báo cáo kết quả, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUNG

1. Công tác xây dựng và phổ biến chính sách, pháp luật.

- Ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản QPPL theo thẩm quyền và phân cấp: Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; các văn bản chỉ đạo chung công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 16 Nghị quyết.

- Theo dõi, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật: Duy trì hoạt động và đăng tải kịp thời các hoạt động, văn bản chính sách mới của ngành trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường. Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của ngành.

2. Công tác tổ chức cán bộ.

Xây dựng Đề án kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (có hiệu lực kể từ ngày 02/8/2021); Đề án giải thể, chuyển Chi cục Biên thành Phòng Biên và Khí tượng thủy văn theo các Nghị định: số 107/2020/NĐ-CP, số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. Tổ chức xây dựng Đề án, phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ; Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 106/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung nguồn quy hoạch các chức danh cán

bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025, nhiệm kỳ 2021-2026; chuyển đổi vị trí công tác đối với 07 công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Sở. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; Tổ chức thực hiện bổ nhiệm đối với 01 viên chức quản lý; điều động và bổ nhiệm đối với 04 viên chức quản lý trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập; bổ nhiệm lại đối với 06 viên chức quản lý thuộc đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch biên chế công chức, kế hoạch số lượng người làm việc và hợp đồng lao động năm 2022.

3. Công tác cải cách thủ tục hành chính.

- Công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến các mức độ:

Rà soát, đánh giá và đề xuất phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Thái Bình, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính để đưa ra phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 24/2/2021 của UBND tỉnh; chuẩn hóa trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 03 Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình: số 1769/QĐ-UBND ngày 23/7/2021, số 2356/QĐ-UBND ngày 27/9/2021, số 2915/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến 60 thủ tục, trong đó: mức độ 3 là 29 thủ tục; mức độ 4 là 31 thủ tục.

- Kết quả giải quyết TTHC: Đến 15/12/2020, tổng số hồ sơ TTHC giải quyết trong kỳ báo cáo là 1071 hồ sơ (trực tuyến 226 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính 845 hồ sơ), trong đó: đã giải quyết 1020 hồ sơ, đang giải quyết 51 hồ sơ, không có hồ sơ quá hạn.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo.

- Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực: Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật tài nguyên và môi trường tại 41 tổ chức, cá nhân; thanh tra việc chấp hành nội quy, quy chế đối với 02 đơn vị thuộc Sở (Chi cục Bảo vệ môi trường, Chi cục Biển). Chánh thanh tra Sở xử phạt theo thẩm quyền hoặc Sở trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử phạt 18 trường hợp, tổng số tiền 3.210,2 triệu đồng kèm theo các biện pháp khắc phục hậu quả.

- Kết quả công tác tiếp nhận, xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng:

Tại trụ sở tiếp công dân của Sở đã tiếp 128 lượt (191 người) với 85 vụ việc (03 đoàn đông người), trong đó Giám đốc Sở đã tiếp 10 lượt (24 người) với 10

vụ việc (01 đoàn đông người). Trong 85 vụ việc có 13 vụ việc (trùng với giải quyết đơn) thuộc thẩm quyền, 72 vụ việc không thuộc thẩm quyền, đã hướng dẫn công dân theo quy định. Ngoài ra, đã tham gia tiếp công dân theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.

Tiếp nhận 303 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của công dân, trong đó có 185 đơn đủ điều kiện thụ lý, gồm: 81 đơn (05 KN, 05 TC, 71 KNPA) thuộc thẩm quyền giải quyết, đã giải quyết 81 đơn; 104 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết, đã thực hiện chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền, trả đơn và hướng dẫn công dân theo quy định.

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thụ lý 85 vụ, việc tranh chấp đất đai, đã giải quyết 50 vụ, việc (Báo cáo số 97/BC-TA ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình).

Trong năm 2021, chưa phát hiện thấy hành vi tham nhũng trong thực thi nhiệm vụ của công chức, viên chức; không có công chức vi phạm các điều cấm trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng theo quy định tại Thông tư số 05/2011/TT-TTCP ngày 10/01/2011 của Thanh tra Chính phủ quy định về phòng, chống tham nhũng trong hoạt động thanh tra. Không có đơn thư phản ánh, tố cáo về tham nhũng cũng như phát hiện tham nhũng qua công tác giải quyết tố cáo và các hoạt động khác.

5. Công tác kế hoạch - tài chính.

Hoàn thiện các thủ tục thanh toán các nhiệm vụ đã hoàn thành năm 2020 theo quy định. Giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị dự toán cấp III; Giao dự toán kinh phí đặt hàng cho 3 đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tổ chức đặt hàng thực hiện 03 nhiệm vụ. Thông báo kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường, kinh phí khác cho các đơn vị dự toán cấp III. Triển khai thu thập, tổng hợp báo cáo chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh và chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường. Ban hành Quyết định bổ sung máy móc, thiết bị chuyên dùng. Rà soát mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh đối với hoạt động cung cấp trực tuyến. Công bố công khai quyết toán thu chi NSNN năm 2019, dự toán thu - chi ngân sách được giao và phân bổ cho các đơn vị trực thuộc. Thực hiện Báo cáo đầu tư công theo quy định; rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu; xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để đầu tư. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch đầu tư công năm 2022; Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2022-2024. Tổng hợp báo cáo nhu cầu cải cách tiền lương năm 2021. Chỉ đạo lập dự toán kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường, kinh phí khác (kết quả thực hiện đến ngày 08/11/2021 như sau: Các nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp tài nguyên: 17/22 nhiệm vụ đã được duyệt dự toán, đang triển khai thực hiện; nhiệm vụ Lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm

2021-2025 tỉnh Thái Bình đã gửi Sở Tài chính thẩm định dự toán. Các nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường: 18/19 nhiệm vụ đã được duyệt dự toán, đang triển khai thực hiện, 01/19 nhiệm vụ đang trình chỉ định đơn vị lập đề cương và dự toán. Các nhiệm vụ sử dụng kinh phí khác: làm các thủ tục để tổ chức đấu thầu và ký hợp đồng sửa chữa công trình nhà làm việc 9 tầng và xây dựng nhà làm việc Trung tâm Phát triển quỹ đất và Kỹ thuật tài nguyên. Thẩm định, xét duyệt quyết toán năm 2020 đối với các đơn vị dự toán cấp III thuộc Sở. Thực hiện các thủ tục thanh toán các nhiệm vụ sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định hiện hành.

II. CÁC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH

1. Công tác quản lý và sử dụng tài nguyên.

1.1. Lĩnh vực quản lý đất đai.

- Hiện trạng sử dụng các loại đất:

Theo kết quả thống kê đất đai tính đến ngày 31/12/2020, tỉnh Thái Bình có tổng diện tích tự nhiên là 158.461 ha, trong đó: diện tích đất nông nghiệp 106.701 ha, chiếm 67,34 %; Diện tích đất phi nông nghiệp là 51.427 ha, chiếm 32,45 %; diện tích đất chưa sử dụng là 324 ha, chiếm 0,20 % tổng diện tích đất tự nhiên.

- Công tác lập phương án sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn:

Ngày 06/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 16/CV-LDQHT ngày 29/11/2021 của Liên danh nhà thầu tư vấn quy hoạch tỉnh Thái Bình đề nghị xem xét phê duyệt điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn lập quy hoạch tỉnh, trong đó dự kiến tiến độ hoàn thành phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh để xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường tháng 4/2022; Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư: Có ý kiến thống nhất về thời điểm hoàn thành dự thảo phương án quy hoạch tỉnh; Chỉ đạo đơn vị tư vấn (đơn vị tư vấn thực hiện nội dung xây dựng phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh) chủ động liên hệ với đơn vị tư vấn lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 để phối hợp trong việc dự kiến chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ cho tỉnh Thái Bình; khẩn trương bố trí làm việc trực tiếp với các sở, ban, ngành, UBND huyện thành phố để hoàn thiện hồ sơ phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đảm bảo chất lượng phương án quy hoạch và tiến độ thời gian xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã ký quyết định phê duyệt kết quả chỉ định đơn vị thực hiện gói thầu thuộc nhiệm vụ lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) tỉnh Thái Bình.

- Kết quả lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của 03 huyện (Quỳnh Phụ, Tiền Hải và Kiến Xương); 05 huyện (Đông Hưng, Hưng

Hà, Thái Thụy, Vũ Thư và thành phố Thái Bình) đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện thông qua; các địa phương đang hoàn thiện, trình HĐND cấp huyện thông qua để trình UBND tỉnh phê duyệt. Sở đã có các Văn bản (số 2592/STNMT-QLĐĐ ngày 20/10/2021, số 2875/STNMT-QLĐĐ ngày 19/11/2021) hướng dẫn UBND huyện, thành phố lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và tổng hợp danh mục thu hồi đất năm 2022, danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trình HĐND tỉnh.

- Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

Thẩm định, trình UBND tỉnh: 272 hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, thu hồi đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 438,26ha; 324 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận), diện tích 345,59ha (trong đó 183 Giấy chứng nhận diện tích 169,8ha cấp đồng thời với hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất).

- Công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký 27.129 Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân; các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (Chi nhánh) đã tiếp nhận hoàn thiện 9.902 hồ sơ chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Chủ tịch UBND huyện, thành phố ký Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân.

- Kết quả thực hiện quyền của người sử dụng đất: Luân chuyển 35.257 hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính (trong đó các Chi nhánh thực hiện 33.907 hồ sơ). Thực hiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 12.359 hồ sơ (trong đó các Chi nhánh thực hiện 12.309 hồ sơ); đăng ký giao dịch đảm bảo 38.650 hồ sơ (trong đó các Chi nhánh thực hiện 38.420 hồ sơ).

- Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai: Thực hiện chỉnh lý thường xuyên và thông báo chỉnh lý biến động của 10.871 thửa đất; cung cấp thông tin địa chính cho 416 trường hợp; duy trì cập nhật chỉnh lý biến động đất đai thường xuyên các xã đã thực hiện dự án VLAP và các xã đủ điều kiện tích hợp, thông qua phần mềm vận hành VILIS 2.0. Xây dựng và đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tại huyện Hưng Hà từ 01/8/2021, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho 07 huyện còn lại theo kế hoạch hết tháng 12/2021 sẽ hoàn thành đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tại huyện Đông Hưng, huyện Thái Thụy và thành phố Thái Bình.

- Công tác định giá đất: Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức xác định giá đất cụ thể năm 2021. Tổ chức kiểm tra, rà soát và lập phương án giá đất cụ thể để thực hiện bồi thường 27 hồ sơ, tái định cư 6 hồ sơ; xác định giá đất cụ thể làm căn cứ đấu giá 02 khu dân cư; xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền sử dụng đất đối với 04 dự án phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội; xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền thuê đất cho 14 dự án; thực hiện sửa đổi,

bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024. Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, khảo sát giá đất cụ thể làm giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu đất có giá trị dưới 20 tỷ đồng.

- Công tác đấu giá quyền sử dụng đất, kết quả thu tài chính từ đất đai: Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất, cho phép đấu giá quyền sử dụng đất và công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất chợ Quỳnh Hải, diện tích 1,15 ha.

- Kết quả thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tham mưu cơ chế chính sách giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tham mưu giải quyết các khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án trên địa bàn tỉnh: Tuyến đường bộ ven biển, khu công nghiệp Liên Hà Thái, đường Thái Bình - Cầu Nghìn...; tham gia củng cố hồ sơ thực hiện cưỡng chế thu hồi đất một số dự án đầu tư; tham gia đề án di dời thực hiện quy hoạch ven sông Trà Lý khu vực Thành phố.

- Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật lĩnh vực đất đai: Thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất của 06 doanh nghiệp theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021. Thông qua thanh tra, kiểm tra đã chỉ rõ các tồn tại, vi phạm về quản lý, sử dụng đất cho các đối tượng để thực hiện khắc phục. Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã xử phạt vi phạm hành chính hoặc Sở trình Chủ tịch UBND xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.285,1 triệu đồng kèm theo các biện pháp khắc phục hậu quả.

1.2. Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước.

- Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước: Trên địa bàn tỉnh Thái Bình, theo thống kê được thì có 97 công trình khai thác tài nguyên nước (gồm cả nước mặt, nước dưới đất) đang hoạt động, trong đó: 86 công trình đã được cấp giấy phép; 11 công trình chưa có giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Đến nay, 83 công trình được UBND tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt (năm 2021, UBND tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt cho 04 công trình).

- Tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước: Theo Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Thái Bình năm 2021 hầu hết các vị trí quan trắc có biểu hiện ô nhiễm đối với TSS và COD, một số vị trí có biểu hiện ô nhiễm NH₄⁺. Các thông số hàm lượng biến đổi tương đối lớn qua các đợt quan trắc và thay đổi theo không gian và thời gian chứng tỏ nguồn nước chịu tác động lớn từ các hoạt động của con người.

- Kết quả cấp phép tài nguyên nước: Năm 2021, trình UBND tỉnh cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh 18 Giấy phép xả thải vào nguồn nước; 03 Giấy phép khai thác nước mặt; 02 Giấy phép khai thác nước dưới đất; 01 Giấy phép hành nghề

khoan nước dưới đất; quyết định phê duyệt 04 vùng bảo hộ vệ sinh lấy nước sinh hoạt; chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác nước dưới đất và kiểm tra việc trám lấp của 02 giếng khai thác nước dưới đất.

- Kết quả tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Phê duyệt tiền cấp quyền cho 05 công trình khai thác tài nguyên nước, số tiền là 11.653.000 đồng.

1.3. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

- Công tác lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản: Phối hợp với đơn vị tư vấn lập phương án thăm dò khai thác và sử dụng khoáng sản trong quy hoạch tỉnh.

- Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản: Năm 2021, trên địa bàn tỉnh Thái Bình không tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản.

- Công tác thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Cục thuế tỉnh thực hiện. Số liệu tiền cấp quyền do Doanh nghiệp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường sau ngày 15/01/2022 theo quy định của pháp luật.

- Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác: Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND tỉnh về việc “Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh” Nhằm đảm bảo quản lý, bảo vệ có hiệu quả tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; ngăn chặn, xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ môi trường, sinh thái, đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản; cụ thể hóa công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; thực hiện quy định tại Điều 16, Điều 18 Luật Khoáng sản năm 2010, Điều 13 Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ; Điều 17, Điều 18 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác được thực hiện thường xuyên, liên tục kết hợp trong quá trình thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản tại các địa phương trong tỉnh.

- Tình hình hoạt động khoáng sản: Năm 2021, trên địa bàn tỉnh Thái Bình không có hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản: Nghĩa vụ tài chính do Doanh nghiệp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường sau ngày 15/01/2021 theo quy định của pháp luật.

- Tình hình thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng nơi khai thác khoáng sản: Doanh nghiệp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường sau ngày 15/01/2021 theo quy định của pháp luật.

1.4. Lĩnh vực biển và hải đảo.

- Kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên, BVMT biển, vùng bờ:

Đối với Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 do Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam đang xây dựng: Sở đã đăng tải dự thảo Chiến lược trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Bình, xin ý kiến các sở, ngành, địa phương tham gia góp ý dự thảo gửi Tổng cục, tham gia hội thảo tham vấn lấy ý kiến vào dự thảo do cơ quan được giao xây dựng tổ chức.

Đối với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 do Bộ Tài nguyên và Môi trường đang triển khai lập: Sở đã tham gia góp ý, tham dự hội thảo, phối hợp cung cấp thông tin để Bộ Tài nguyên và Môi trường lập các Quy hoạch trên.

Chưa tham mưu xây dựng Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Thái Bình; dự kiến tham mưu thực hiện năm 2022.

- Công tác điều tra cơ bản, thống kê tài nguyên biển và hải đảo: Chưa triển khai.

- Công tác giao khu vực biển cho các tổ chức, cá nhân; cấp phép nhận chìm ở biển theo thẩm quyền:

Tham mưu văn bản góp ý đối với dự thảo Thông tư quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Phối hợp tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025.

Tham mưu UBND tỉnh văn bản chấp thuận chủ trương giao khu vực biển để xây dựng công trình chuyên môn của Trạm khí tượng hải văn Ba Lạt (Văn bản số 4920/UBND-NNTNMT ngày 05/11/2021). Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đã phối hợp hướng dẫn một số chủ đầu tư thực hiện hoạt động nghiên cứu, khảo sát dự án điện gió trên vùng biển tỉnh Thái Bình như Công ty Pondera, Công ty Cổ phần tập đoàn Trường Thành, Công ty Macquarie Capital Vietnam Green Investments Pte.Limited,...

Trong năm 2021, không có tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị giao khu vực biển và cấp phép nhận chìm.

- Thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển; lập hồ sơ và quản lý tài nguyên hải đảo theo phân cấp: Phối hợp với đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn tất việc “Xác định chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thái Bình” (bước 2) thuộc nhiệm vụ Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thái Bình trên cơ sở góp ý của các Bộ, ngành, địa phương. Đối với nhiệm vụ “Cấm mốc ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thái Bình” (bước 3) đã được UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp tài nguyên năm 2021, tuy nhiên đến nay chưa triển khai do bước 2

chưa hoàn thành; dự kiến triển khai năm 2022. Lập hồ sơ và quản lý tài nguyên hải đảo theo phân cấp: Chưa thực hiện.

- Kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển:

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 phê duyệt “Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025, trong đó quan trắc môi trường nước biển ven bờ tại 15 điểm; quan trắc tầm tích ven biển 15 điểm. Trong đó năm 2021, quan trắc nước biển ven bờ tại 15 điểm với 13 thông số vào 3 đợt (tháng 5,8,11); quan trắc trầm tích biển tại 15 điểm với 05 thông số vào 02 đợt (tháng 5, 11), kết quả quan trắc, phân tích được so sánh với QCVN 10-MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển - vùng biển ven bờ và Quy chuẩn Việt Nam QCVN 43:2012/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.

Thực hiện Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT ngày 29/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 phê duyệt kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo tỉnh Thái Bình năm 2020.

Trên cơ sở kết quả của nhiệm vụ Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và đề xuất giải pháp quản lý, đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Văn bản số 5194/UBND-NNTNMT ngày 24/11/2021 về việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường biển tỉnh Thái Bình.

Tham mưu báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển, đất có mặt nước ven biển và tình hình xả thải của các dự án ven biển trên địa bàn tỉnh (Báo cáo số 151/BC-STNMT ngày 29/7/2021) theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 4156/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về Chương trình, kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2016-2020 (Báo cáo số 85/BC-STNMT ngày 12/5/2021)...

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 15/11/2021 về Ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Thái Bình đến năm 2025.

Trong năm không xảy ra sự cố tràn dầu, hóa chất độc hại trên biển.

2. Lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2.1. Hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường.

- Kết quả quan trắc tiếng ồn: 11/18 vị trí quan trắc tiếng ồn cả 03 đợt quan trắc đều nằm trong giới hạn quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT; 07/18 vị trí quan trắc vượt giới hạn từ 1,05 đến 1,19 lần.

- Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh: 18/18 vị trí quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh (*nêu trên*): Tại tất cả các vị trí trong cả 03 đợt quan trắc, hàm lượng SO₂, NO₂, CO đều thấp hơn giới

hạn QCVN 05:2013/BTNMT; riêng hàm lượng bụi TSP tại 05/18 vị trí vượt quy chuẩn vào cả 03 đợt quan trắc từ 1,27 đến 3,41 lần.

- Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt: 03/17 thông số quan trắc (BOD₅, COD, TSS) có những thời điểm tại một số vị trí vượt quy chuẩn, các thông số còn lại nằm trong giới hạn QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước biển ven bờ: 01/07 thông số Coliform vượt giới hạn QCVN 10-MT:2015/BTNMT; 06 thông số quan trắc còn lại đều nằm trong giới hạn.

- Kết quả phân tích chất lượng môi trường đất và trầm tích: Các thông số phân tích tại tất cả các vị trí quan trắc đều nằm trong giới hạn QCVN 43:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích; QCVN 03-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

2.2. Các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

- Thực trạng và kết quả xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: 24/38 cơ sở thuộc danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã nộp hồ sơ đề nghị và được xác nhận ra khỏi danh sách; 13/38 cơ sở đã hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ xin xác nhận ra khỏi danh sách; 01/38 cơ sở (các làng nghề) đang thực hiện các biện pháp BVMT.

- Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề:

+ Khu công nghiệp: 06/06 KCN đã đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung, trong đó 05 KCN đã hoàn thành và đi vào vận hành (Nguyễn Đức Cảnh, Phúc Khánh, Gia Lễ, Cầu Nghìn, Tiên Hải), KCN TBS Sông Trà đã đầu tư hoàn thành công trình, đang lắp đặt máy móc thiết bị, dự kiến hoạt động trong năm 2022.

+ Cụm công nghiệp: Trên địa bàn tỉnh hiện có 45 CCN được quy hoạch; 36/45 CCN đang hoạt động, trong đó có 01/36 CCN hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung, 05/36 CCN đã hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình, đang đầu tư, lắp đặt máy móc thiết bị, 01/36 CCN đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Nguyễn Đức Cảnh. Còn lại 09/45 CCN chưa hoạt động do chưa có nhà đầu tư thứ cấp.

+ Làng nghề: Có 156 làng nghề được UBND tỉnh cấp bằng công nhận. Thực trạng hoạt động làng nghề đến nay có nhiều sự biến động. Kinh phí về BVMT làng nghề hiện nay chủ yếu dựa vào nguồn kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp môi trường địa phương. Nguồn lực đầu tư hạ tầng thu gom xử lý chất thải còn rất hạn chế. Trong các làng nghề còn hoạt động hiện nay, ngoài làng nghề dệt nhuộm Phương La đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung và đang đưa vào vận hành thì các làng nghề còn lại việc đầu tư hạ tầng về BVMT còn rất hạn chế.

- Khu đô thị, khu dân cư tập trung: Đã đầu tư và đưa vào sử dụng 01 hệ thống thu gom và xử lý nước thải công suất 10.000 m³/ngày đêm phục vụ xử lý

nước thải sinh hoạt cho nhân dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc 08 xã, phường trên địa bàn thành phố.

2.3. Tình hình phát sinh và xử lý chất thải.

- Chất thải rắn y tế: Tổng khối lượng chất thải y tế phát sinh từ các cơ sở y tế trên địa tỉnh Thái Bình khoảng 2.675,305 tấn/năm ($\approx 7.329,602$ kg/ ngày), trong đó 414,959 tấn/năm ($\approx 1.136,873$ kg/ngày) chất thải rắn y tế nguy hại. Qua kết quả thanh tra, kiểm tra hàng năm của ngành y tế cho thấy, việc thu gom, phân loại xử lý của các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh nhìn chung được thực hiện nề nếp, đảm bảo tuân thủ theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh hiện nay khoảng 990 - 1.045 tấn/ngày. Đối với khu vực thành phố Thái Bình: Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển về Nhà máy xử lý rác thành phố Thái Bình phân loại sơ bộ và xử lý theo công nghệ đốt kết hợp chôn lấp. Tại huyện Quỳnh Phụ, có 01 Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt - Công ty cổ phần thương mại Thành Đạt xử lý rác thải sinh hoạt cho 15 xã, thị trấn với quy mô công suất 50 tấn/ngày. Trên địa bàn toàn tỉnh đã đầu tư 100 khu xử lý CTRSH bằng công nghệ lò đốt rác kết hợp chôn lấp; các xã còn lại đầu tư xử lý rác bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh theo quy mô từng xã.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường đạt 90 - 95%. Hiện tại, tỉnh Thái Bình mới có 01 bãi chôn lấp chất thải rắn công nghiệp tại KCN Tiền Hải tiếp nhận xử lý chất thải rắn thông thường cho các doanh nghiệp trên địa bàn KCN Tiền Hải và một phần nhỏ cho các KCN khác trong tỉnh. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong cụm công nghiệp, kết quả kiểm tra thực tế cho thấy tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường đạt 85 - 90%.

- Chất thải nguy hại: Hiện tại trên địa bàn tỉnh chưa có tổ chức, cá nhân hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nguy hại, gây khó khăn cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại trong việc tiếp cận được đơn vị vận chuyển, xử lý có đủ năng lực theo quy định. Các chủ nguồn thải chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh phải ký hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý với các đơn vị ngoài tỉnh.

- Tình hình phát sinh và xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của các khu dân cư : Nước thải sinh hoạt lớn và tập trung nhiều nhất là thành phố Thái Bình ước tính khoảng 33.674 m³/ngày đêm. Trên địa bàn thành phố Thái Bình có trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 10.000 m³/ngày đêm. Còn lại lượng nước thải sinh hoạt từ các cụm dân cư các xã, thị trấn chủ yếu được thu vào cống, rãnh đơn lẻ sau đó được xả vào hệ thống kênh mương nội đồng, ao hồ trong khu dân cư.

+ Nước thải từ sản xuất của các làng nghề: Hầu hết không được xử lý. Hiện

chỉ có dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung làng nghề dệt nhuộm Phương La đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

+ Nước thải từ sản xuất của các khu, cụm công nghiệp: 05/06 KCN đã đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung và vận hành (Nguyễn Đức Cảnh, Phúc Khánh, Gia Lễ, Cầu Nghìn, Tiền Hải), KCN TBS Sông Trà đã đầu tư hoàn thành công trình, đang lắp đặt máy móc thiết bị, dự kiến hoạt động trong năm 2022; 06 CCN đã hoàn thành trạm xử lý nước thải tập trung đang hoàn thành thủ tục để vận hành chính thức; 01 CCN đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Nguyễn Đức Cảnh (CCN Phong Phú).

- Phụ phẩm nông nghiệp: Một phần nhỏ các hộ nông dân sử dụng làm chất đốt, phần lớn rơm rạ được xử lý ngay tại đồng ruộng bằng phương pháp cày lật đất, ngâm ủ nước. Như vậy, chất thải rắn nông nghiệp được tái sử dụng gần như 100%, không phải chôn lấp tập trung.

- Công tác cấp phép hoạt động BVMT, đánh giá tác động môi trường: Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt 24 hồ sơ báo cáo ĐTM. Cấp 07 Giấy xác nhận đăng ký KBM. Cấp 07 Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; Kiểm tra, thông báo kết quả vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường đối với 11 dự án. Tiếp nhận, cấp 08 sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; báo cáo tình hình quản lý chất thải nguy hại.

- Triển khai các hoạt động quan trắc môi trường: Phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường lựa chọn 01 vị trí lắp đặt Trạm quan trắc không khí tự động ở phường Bò Xuyên, thành phố Thái Bình; vận hành thường xuyên 02 trạm quan trắc tự động, liên tục tại xã Thái Đô, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy; đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở sản xuất đã đầu tư các thiết bị quan trắc tự động và các cơ sở thuộc đối tượng phải đầu tư, lắp đặt thực hiện đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục theo quy định, truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát, thời hạn hoàn thành trước 31/12/2021. Đến nay, đã có 20 trạm quan trắc tự động của 12 cơ sở sản xuất hoàn thành lắp đặt và đi vào hoạt động truyền dữ liệu quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Lĩnh vực khí tượng, thủy văn.

- Công tác quản lý các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn:

Thực hiện kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng tỉnh Thái Bình, đã tham mưu UBND tỉnh bố trí 436 triệu đồng từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên cho Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Thái Bình thực hiện tự động hóa và duy trì hoạt động các điểm đo mưa chuyên dùng. Tính tới thời điểm hiện tại, số trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tỉnh là 15 trạm đo mưa tự động. Ngoài ra, đang tham mưu lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án Xây dựng các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn ngân sách địa

phương đối với 01 trạm khí tượng, 04 trạm thủy văn.

Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 08/11/2021 thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình KTTV thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trên địa bàn tỉnh và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Công tác phối hợp, tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn: Thực hiện Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai đã phối hợp chặt chẽ với Đài khí tượng thủy văn tỉnh Thái Bình để tiếp nhận, theo dõi bản tin dự báo, cảnh báo KTTV, truyền tin thiên tai theo quy định, thường xuyên đăng tải các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai KTTV trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Lĩnh vực biến đổi khí hậu.

Tham mưu UBND tỉnh báo cáo giám sát về thực hiện chính sách pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu theo yêu cầu của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Văn bản số 3081/STNMT-CCB ngày 08/12/2021); Báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 (Văn bản số 2333/STNMT-CCB ngày 24/9/2021); kết quả thực hiện Quyết định số 2729/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, giai đoạn 2016-2020 (Báo cáo số 23/BC-STNMT ngày 03/02/2021).

5. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và viễn thám.

5.1. Về đo đạc và bản đồ.

- Các nội dung cơ bản trong hoạt động đo đạc và bản đồ của UBND tỉnh trong năm: Triển khai các nhiệm vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính; thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; thẩm định bản vẽ trích lục bản đồ địa chính, trích đo địa chính phục vụ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thẩm định dự toán kinh phí trích lục, trích đo bản đồ địa chính sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

- Kết quả triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ: Triển khai thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tại xã Đô Lương, xã Đông Huy (nay thuộc xã Đông Quan), xã Đồng Phú (nay thuộc xã Minh Phú), huyện Đông Hưng.

- Kết quả xây dựng dữ liệu địa lý thuộc trách nhiệm được giao tại Điều 27

Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ: Chưa triển khai thực hiện.

- Tổng hợp nguồn kinh phí được giao để triển khai thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ trong năm: 5.700 triệu đồng.

5.2. Về quản lý, ứng dụng trong hoạt động viễn thám.

- Đề Xuất nhiệm vụ, các đề án, dự án về ứng dụng viễn thám trong phạm vi quản lý: Sử dụng sản phẩm, dữ liệu viễn thám phục vụ công tác quản lý đê điều, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn.

- Nhu cầu sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương định kỳ hàng năm, 05 năm: Không có.

6. Lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai Chính phủ điện tử tài nguyên và môi trường.

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương: Thực hiện tốt công tác quản trị mạng, khắc phục kịp thời các sự cố kết nối đảm bảo cho hoạt động sử dụng mạng của cơ quan, đơn vị diễn ra liên tục. Sao lưu, bảo đảm an toàn, an ninh cơ sở dữ liệu và dữ liệu tài nguyên và môi trường. Đảm bảo an toàn thông tin cho mạng nội bộ, đường truyền dữ liệu quan trắc môi trường tự động.

- Việc kết nối, liên thông, cung cấp sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử thuộc phạm vi quản lý với các bộ, ngành và địa phương khác theo quy định: Thực hiện chỉ đạo của Ban Cơ yếu Chính phủ và UBND tỉnh, Sở đã sử dụng chữ ký số trong hệ thống quản lý văn bản điều hành, kết nối, trao đổi các văn bản đi, đến giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc Bộ dưới dạng văn bản điện tử có chữ ký số.

III. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO DO CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, BAN, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH THÀNH PHỐ LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Kết quả thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

1.1. Báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2020: Tham mưu UBND tỉnh có Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 19/4/2021 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

1.2. Nhiệm vụ Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030: Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của 03 huyện (Quỳnh Phụ, Tiền Hải và Kiến Xương); 05 huyện (Đông Hưng, Hưng Hà, Thái Thụy, Vũ Thư và thành phố Thái Bình) đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện thông qua; các địa phương đang hoàn thiện, trình HĐND cấp huyện thông qua để trình

UBND tỉnh phê duyệt.

1.3. Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của cấp huyện: Sở Tài nguyên và Môi trường đã có các Văn bản (số 2592/STNMT-QLDD ngày 20/10/2021, số 2875/STNMT-QLDD ngày 19/11/2021) hướng dẫn UBND huyện, thành phố lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và tổng hợp danh mục thu hồi đất năm 2022, danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trình HĐND tỉnh. Hiện nay đang chờ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục để trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

1.4. Điều chỉnh Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024: Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 612/TTr-STNMT ngày 06/12/2021 trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy định về Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

1.5. Nhiệm vụ “Chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021 - 2025” đang triển khai thực hiện, dự kiến hoàn thành trước ngày 31/12/2021.

1.6. Nhiệm vụ “Kiểm kê hiện trạng khai thác, sử dụng, xả nước thải vào nguồn nước; phòng tránh giảm thiểu tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh Thái Bình”: thời gian bắt đầu thực hiện năm 2021, thời gian hoàn thành quý IV năm 2022. Ngày 04/8/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1383/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025, trong đó UBND các tỉnh, thành phố tổ chức kiểm kê chỉ tiêu đối với nguồn nước mặt nội tỉnh, tổng hợp kết quả kiểm kê và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12/2024; do UBND tỉnh chưa ban hành danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh, vì vậy Sở Tài nguyên và Môi trường dự kiến triển khai thực hiện trong hai năm 2023-2024.

1.7. Nhiệm vụ Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Thái Bình; thời gian bắt đầu thực hiện 2021, thời gian hoàn thành quý IV năm 2022: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 quy định: Một trong những căn cứ để lập Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ là Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan được giao chủ trì tham mưu đang triển khai thực hiện. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường chưa tham mưu triển khai nhiệm vụ nêu trên trong năm 2021 và đề xuất kinh phí thực hiện vào năm 2022 tại Văn bản số 181/BC-STNMT ngày 17/9/2021.

1.8. Nhiệm vụ Tăng cường phương tiện, trang thiết bị, kỹ thuật phục vụ quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển giai đoạn 2021-2025; thời gian bắt đầu thực hiện 2021; thời gian hoàn thành hết quý IV năm 2025: Sở Tài nguyên và Môi trường đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để triển khai nhiệm vụ (đề xuất danh mục phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển giai đoạn

2021-2025 và giai đoạn 2026 đến 2030) theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3557/UBND-KTTNMT ngày 24/7/2020 về việc thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tăng cường năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

2. Đánh giá chung.

2.1. Kết quả đạt được.

Năm 2021, mặc dù có nhiều khó khăn, vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; tuy nhiên dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng với sự quan tâm chỉ đạo về chuyên môn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình đã nỗ lực, tập trung khắc phục những khó khăn và có những giải pháp để triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được giao, góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của tỉnh, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2.2. Tồn tại, hạn chế.

- Hệ thống văn bản pháp luật về tài nguyên và môi trường chưa đồng bộ; chồng chéo, phức tạp với số lượng lớn văn bản dưới luật; một số quy định chưa cụ thể, còn chồng chéo, mâu thuẫn với các luật khác; tính dự báo chưa cao dẫn đến phải chỉnh sửa, bổ sung, thay thế, ảnh hưởng đến tính ổn định của hệ thống pháp luật.

- Việc lập dự toán sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường chủ yếu căn cứ vào thực tế, chưa có định mức kinh tế kỹ thuật hướng dẫn nên khó khăn trong khâu lập và thẩm định dự toán.

- Tiến độ lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 ở các huyện, thành phố còn chậm nên có một số công trình, dự án đề xuất thực hiện nhưng chưa có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nên không có căn cứ để triển khai thực hiện.

- Luật Đất đai 2013 chỉ quy định việc cho thuê đất đối với doanh nghiệp đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, không quy định việc nhà nước trực tiếp cho doanh nghiệp thuê đất để sản xuất. Tuy nhiên, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ có quy định việc Nhà nước cho doanh nghiệp thuê đất để sản xuất. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh còn một số cụm công nghiệp đang thực hiện, có cụm không có nhà đầu tư hạ tầng hoặc có nhà đầu tư hạ tầng nhưng còn diện tích giữa diện tích nhà đầu tư hạ tầng và diện tích nhà nước trực tiếp cho doanh nghiệp thuê để sản xuất. Đối với các cụm công nghiệp này vướng mắc về việc cho doanh nghiệp trực tiếp thuê đất để sản xuất hoặc chấp thuận đầu tư mới.

- Một số doanh nghiệp đã hết thời hạn thuê đất khi làm thủ tục gia hạn sử dụng đất gặp khó khăn do tại thời điểm xin gia hạn vị trí sử dụng đất không còn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và các

quy hoạch khác có liên quan.

- Đối với các dự án phát triển nhà ở đã được công nhận chủ đầu tư: Quy định của pháp luật qua các thời kỳ và thực tiễn quá trình giải quyết hồ sơ giao đất các dự án phát triển nhà ở cho thấy có sự vướng mắc, chòng chéo giữa Luật nhà ở, Luật Đấu thầu và Luật Đất đai. Nội dung này kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2020 (tháng 7/2021) đã yêu cầu Sở xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngày 17/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 3200/STNMT-QLĐĐ xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thông tin, dữ liệu, số liệu điều tra, đánh giá, quan trắc tài nguyên nước còn thiếu, còn phân tán do kinh phí thực hiện hằng năm chưa đảm bảo; chế độ báo cáo, cung cấp dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước, về khai thác, sử dụng nước của các tổ chức, cá nhân chưa được coi trọng.

- Hoạt động quản lý, kiểm soát ô nhiễm nguồn nước mới tập trung chủ yếu ở khu vực đô thị và khu công nghiệp, chưa được quan tâm thoả đáng ở các vùng nông thôn; việc bảo vệ nguồn nước trong quá trình thực hiện các dự án thủy lợi, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi chưa có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện.

- Công tác cấp giấy phép về tài nguyên nước đã được thực hiện trong nhiều năm nay, nhưng đến nay vẫn còn một số công trình khai thác, sử dụng nước chưa có do đang hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc thuê tư vấn để có cơ sở lập hồ sơ đề nghị cấp phép.

- Vấn đề phối hợp trong quản lý khai thác, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác giữa một số địa phương còn hạn chế; nhận thức về pháp luật khoáng sản của người dân chưa đầy đủ, chưa xử lý triệt để hoạt động khai thác cát trái phép;

- Cán bộ chuyên môn tham mưu giúp chính quyền cấp huyện, xã trong lĩnh vực quản lý tài nguyên nước, khoáng sản còn thiếu kinh nghiệm, yếu về chuyên môn nghiệp vụ.

- Công tác bảo vệ môi trường tại một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa được quan tâm đúng mức; tiến độ đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp còn chậm so với tiến độ thực hiện dự án theo Quyết định chủ trương đầu tư; đặc biệt là các hạng mục công trình bảo vệ môi trường trong CCN (Hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải và Trạm xử lý nước thải tập trung); hầu hết các làng nghề chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung. Hạ tầng thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt tại địa bàn thành phố và các thị trấn còn hạn chế; công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại một số địa phương vẫn chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo hoạt động thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn, mô hình xử lý rác bằng lò đốt quy mô nhỏ đến nay đã bộc lộ một số tồn tại hạn chế, nhiều địa phương đang gặp khó khăn trong việc tìm giải pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt tạm thời; công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch sẵn sàng bàn giao cho nhà đầu tư theo chỉ đạo của UBND tỉnh

tại Văn bản số 1875/UBNDKTTNMT ngày 23/4/2020 cũng gặp khó khăn trong việc thu hút, kêu gọi nhà đầu tư.

2.3. Nguyên nhân.

Lĩnh vực tài nguyên và môi trường là lĩnh vực nhạy cảm, khối lượng công việc được giao lớn, phức tạp, nhiều vụ việc tồn tại vướng mắc kéo dài, cần nhiều thời gian tập trung giải quyết đảm bảo chất lượng; trong khi số lượng cán bộ, công chức còn ít. Đặc biệt cán bộ chuyên môn cấp huyện, cấp xã trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường còn mỏng, thiếu kinh nghiệm, hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2022

I. NHIỆM VỤ CHUNG

Chủ động giải quyết các công việc theo thẩm quyền, phân công, phân cấp. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, trong đó chú trọng công tác cải cách TTHC lấy sự hài lòng của người dân và các tổ chức, doanh nghiệp là thước đo chất lượng công việc. Xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ theo quy định. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và chỉ đạo của cấp trên; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Giao, phân bổ kinh phí hành chính, kinh phí sự nghiệp tài nguyên môi trường theo quy định; phân đầu sử dụng kinh phí phục vụ hiệu quả nhiệm vụ công tác, đảm bảo giải ngân 100% nguồn kinh phí được giao.

II. CÁC NHIỆM VỤ THEO LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Lĩnh vực quản lý đất đai.

- Tham mưu UBND tỉnh việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, định giá đất phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật đất đai.

- Hướng dẫn giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện giao đất, thuê đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cơ sở tôn giáo theo đề nghị của huyện, thành phố.

- Tổng hợp danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, dự án cần thu hồi đất báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua.

- Tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đối với các dự án có sử dụng từ 10ha đất trồng lúa và 20ha đất rừng phòng hộ trở lên.

- Hoàn thiện phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) tỉnh Thái Bình trình

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Hướng dẫn UBND huyện, thành phố thực hiện việc lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hướng dẫn, đôn đốc UBND huyện, thành phố thực hiện thống kê đất đai năm năm 2021.

- Tiếp tục phối hợp với UBND huyện, thành phố hướng dẫn giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước.

- Thực hiện các nội dung quy hoạch tài nguyên nước đã được phê duyệt.

- Giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông nội tỉnh.

- Lập danh mục nguồn nước nội tỉnh; danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trình UBND tỉnh phê duyệt; lập kế hoạch cắm mốc, tổ chức cắm mốc, bàn giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước bàn giao cho địa phương quản lý theo quy định.

- Thẩm định hồ sơ hoạt động tài nguyên nước, hồ sơ cấp quyền, chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; hướng dẫn việc đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt; Hướng dẫn, theo dõi việc trám lấp giếng không sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

- Thực hiện tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý khai thác cát, kịp thời phát hiện, tố cáo các hành vi tiêu cực trong quản lý, hoạt động khoáng sản nói chung, khoáng sản cát nói riêng.

- Thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật khoáng sản.

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản (cát biển) theo quy định để phục vụ san lấp các công trình trọng điểm tăng thu ngân sách nhà nước đồng thời chọn được những nhà đầu tư đủ năng lực.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản đảm bảo khai thác đúng theo tọa độ, diện tích, mức sâu đã được quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp; duy trì việc thực hiện quy chế phối hợp kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác cát trên các tuyến sông, ven biển giáp ranh các tỉnh, thành phố: Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hải Phòng.

4. Lĩnh vực biển và hải đảo.

- Tham mưu nhiệm vụ Cắm mốc hành lang bảo vệ bờ biển (bước 3) thuộc

nhiệm vụ Thiết lập hành lang bờ biển tỉnh Thái Bình; lập chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Thẩm định hồ sơ đề nghị giao khu vực biển, tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Theo dõi, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện: : Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ, Kế hoạch thực hiện Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 18/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ(các Kế hoạch: số 57/KH-UBND ngày 16/6/2020, số 102/KH-UBND ngày 30/9/2020 của UBND tỉnh)

- Báo cáo Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2021. Lập hồ sơ đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo tỉnh Thái Bình năm 2021; trình UBND tỉnh phê duyệt. Giám sát việc triển khai, thực hiện lấy mẫu phân tích đánh giá hiện trạng môi trường nước biển ven bờ phục vụ quản lý tổng hợp về biển.

5. Lĩnh vực khí tượng, thủy văn.

- Tham mưu nhiệm vụ xây dựng các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; hỗ trợ Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Thái Bình thực hiện duy trì hoạt động các trạm đo mưa chuyên dùng sau khi được UBND phê duyệt kinh phí.

- Theo dõi, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

- Tiếp nhận, theo dõi bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, truyền tin thiên tai theo quy định. Thu nhận thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn từ các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

6. Lĩnh vực biến đổi khí hậu.

Theo dõi, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh); thực hiện văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ (Văn bản số 781/UBND-NNTNMT ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh) và thực hiện Quyết định số 2729/QĐ-UBND ngày 19/10/2027 của UBND tỉnh (Văn bản số 774/UBND-NNTNMT ngày 05/3/2021).

7. Lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Duy trì, thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả cao các nhiệm vụ quản lý nhà nước bao gồm: Tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, thẩm định đánh giá tác động môi trường; kiểm tra cấp giấy xác nhận sau ĐTM, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; cấp sổ đăng ký chủ nguồn

thải nguy hại...

- Nắm tình hình, nghiên cứu đề xuất biện pháp xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền, đặc biệt là các điểm nóng về môi trường trên địa bàn tỉnh; coi trọng hướng dẫn cấp huyện, xã khắc phục, giải quyết các vướng mắc về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở cơ sở.

- Tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tham mưu ban hành văn bản thi hành Luật bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày môi trường thế giới, Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam, Ngày đại dương thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn.

- Điều tra, đánh giá phân loại nguồn thải phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải.

- Lấy mẫu đột xuất tại các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình; lấy mẫu quan trắc chất lượng môi trường tại các khu vực có khả năng ô nhiễm môi trường cao trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

- Vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh (xã Thái Đô, Thái Thọ...).

8. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và viễn thám.

- Lập, trình UBND tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính đối với diện tích đất nông nghiệp bị biến động do đôn điền, đổi thửa tại huyện Đông Hưng, huyện Hưng Hà và huyện Thái Thụy; triển khai nhiệm vụ theo kế hoạch công tác năm 2022.

- Tổ chức nghiệm thu hoàn thành các công trình đo đạc bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính chuyển tiếp từ năm 2021 và nghiệm thu công đoạn các công trình triển khai năm 2022.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng ảnh viễn thám tại địa phương.

9. Lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai Chính phủ điện tử tài nguyên và môi trường.

Đảm bảo điều kiện tốt nhất về hệ thống mạng, máy chủ phục vụ công tác điều hành. Tạo điều kiện tốt nhất về hệ thống mạng, máy chủ, phần mềm để bộ phận Lưu trữ - Dữ liệu thực hiện tốt các công việc quản lý, tra cứu, số hóa hồ sơ. Sao lưu và kiểm tra dữ liệu định kỳ; phòng chống mã độc tấn công đảm bảo an toàn. Quản lý dữ liệu quan trắc tự động của Sở và đường truyền thông suốt.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các bộ, ngành liên quan:

- Tham mưu Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách pháp luật đất đai cho phù hợp với thực tiễn.

- Tham mưu Chính phủ sớm ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 22/2012/NĐ-CP quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản để triển khai thực hiện.

- Phối hợp Bộ Nội vụ và UBND các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định và thành phố Hải Phòng sớm phân định địa giới hành chính đảm bảo tránh chồng lấn trong khai thác các mỏ cát biển và lòng sông; Đặc biệt ranh giới trên biển giữa tỉnh Thái Bình và thành phố Hải Phòng; ranh giới hành chính trên biển giữa các xã, các huyện trong tỉnh.

- Tham mưu Quốc hội phê duyệt quy hoạch không gian biển quốc gia; tham mưu Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ làm cơ sở để Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ cấp tỉnh.

- Sớm tham mưu, ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành pháp luật liên quan đến BDKH như: Nghị định quy định giảm nhẹ khí nhà kính và bảo vệ tầng ô- dôn, Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường về ứng phó với BDKH, ban hành Hệ thống giám sát hoạt động thích ứng BDKH cấp quốc gia, danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí thải nhà kính ..., sửa đổi, bổ sung nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong đó bổ sung chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến BDKH; quy định cụ thể danh mục phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cấp tỉnh, huyện, xã theo Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tăng cường năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường biển, hải đảo đến năm 2030 để làm căn cứ địa phương triển khai thực hiện.

- Kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương: Ban hành các văn bản hướng dẫn các địa phương lồng ghép việc ứng phó với biến đổi khí hậu vào các quy hoạch ngành, lĩnh vực quản lý phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Sớm tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật kịp thời để địa phương có căn cứ triển khai thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả.

- Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý chất thải rắn theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020.

- Ban hành mô hình quản lý rác thải để các địa phương áp dụng; tổ chức thẩm định, đánh giá và công bố danh mục công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt khuyến khích áp dụng tại Việt Nam để các địa phương tham khảo, lựa chọn vận dụng tại địa phương mình; ban hành hướng dẫn cụ thể quy trình thẩm định, đánh giá công nghệ xử lý CTRSH để địa phương có căn cứ hướng dẫn nhà đầu

tu thực hiện.

- Quan tâm chỉ đạo, tăng cường năng lực quản lý môi trường cho địa phương.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chỉ đạo các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã thực hiện trách nhiệm bảo hộ vùng vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt vùng bảo hộ vùng vệ sinh đối với công trình đã được cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước.

- Tăng cường nguồn lực tài chính từ các nguồn sự nghiệp môi trường, đầu tư phát triển, chương trình mục tiêu, tiền thu từ sử dụng đất, xây dựng cơ bản... cho các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ phòng ngừa, cải thiện môi trường, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu vực dịch vụ công, khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, xử lý rác thải sinh hoạt, tăng cường năng lực về bảo vệ môi trường.

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, nước ngoài tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

IV. Đánh giá sự phối hợp giữa các Sở Tài nguyên và Môi trường; giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, với các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan (nêu các vấn đề bất cập và đề xuất, kiến nghị giải quyết): Cơ bản được duy trì thường xuyên; một số địa phương (cấp huyện, cấp xã) còn chưa quan tâm phối hợp trong giải quyết nhiệm vụ về tài nguyên và môi trường.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tỉnh ủy Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Nho

Phụ lục 01: Kết quả cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Nội dung	Số liệu				Số lượng thủ tục tiếp nhận theo hình thức trực tuyến
		Số lượng thủ tục tiếp nhận	Số lượng thủ tục đã giải quyết	Số lượng thủ tục đang giải quyết	Tỷ lệ thủ tục đã giải quyết hoàn thành đúng hạn	
1	Kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính					
	Lĩnh vực đất đai	558	537	21	100	0
	Khoáng sản	5	4	1	100	1
	Tài nguyên nước	20	20	0	100	0
	Môi trường	266	237	29	100	225
	Biển và hải đảo	0	0	0	100	0
	Khí tượng thủy văn	0	0	0	100	0
	Lĩnh vực khai thác thông tin	222	222	0	100	0
	Tổng số	1071	1020	51	100	226

Phụ lục 02: Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Nội dung	Văn bản	
		Số văn bản	Trích yếu văn bản
1	Lĩnh vực đất đai	15	
		Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 04/3/2021	Nghị quyết phê duyệt việc thay đổi quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình
		Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 04/3/2021	Nghị quyết phê duyệt việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2021
		Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 04/3/2021	Nghị quyết phê duyệt bổ sung dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2021
		Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 27/04/2021	Nghị quyết phê duyệt việc thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình
		Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 27/04/2021	Nghị quyết phê duyệt việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình
		Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 27/04/2021	Nghị quyết phê duyệt bổ sung dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2021
		Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 14/5/2021	Nghị quyết phê duyệt việc thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình

		Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 14/5/2021	Nghị quyết phê duyệt việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
		Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 14/5/2021	Nghị quyết phê duyệt bổ sung dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2021
		Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	Phê duyệt thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình
		Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	Phê duyệt việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình
		Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	Phê duyệt bổ sung dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2021
		Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021	Phê duyệt danh mục bổ sung dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2021
		Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021	phê duyệt việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình
		Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021	phê duyệt việc thay đổi về quy mô , địa điểm và số lượng dự án trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình để cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.
2	Khoáng sản	0	
3	Tài nguyên nước	0	

4	Môi trường	02	
		Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	Ban hành Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt đối với các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2021/2025
		Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	Quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình
5	Biển và hải đảo	01	
		Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	Ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025
6	Khí tượng thủy văn	0	
	Tổng số	18	

Phụ lục 03: Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Nội dung	Số lượng	Kết quả giải quyết				
			Thu hồi giấy phép/thu hồi đất	Thu hồi tài sản, buộc khắc phục	Xử lý vi phạm	Xử lý trách nhiệm	Biện pháp xử lý khác
1	Kết quả công tác thanh tra						
-	Lĩnh vực đất đai	-	-	-	-	-	-
-	Khoáng sản	-	-	-	-	-	-
-	Tài nguyên nước	-	-	-	-	-	-
-	Môi trường	-	-	-	-	-	-
-	Biển, hải đảo	-	-	-	-	-	-
-	Kết hợp các lĩnh vực	11	-	-	-	9	-
2	Kết quả công tác kiểm tra						
-	Lĩnh vực đất đai	27	-	-	8	-	-
-	Khoáng sản	-	-	-	4	-	-
-	Tài nguyên nước	-	-	-	1	-	-
-	Môi trường	18	-	-	14	-	-
-	Kết hợp các lĩnh vực	33	-	-	3	-	-
Tổng số		89	-	-	30	9	

Phụ lục 04: Kết quả thực hiện công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Nội dung	Số lượng đơn thư tiếp nhận năm 2021		Số lượng đơn tiếp nhận năm 2020	So sánh	Kết quả giải quyết		Số lượng tiếp công dân
		Số lượng	Đơn phải xử lý			Số lượng	Chuyển cấp có thẩm quyền	
	Tổng số	461	333	63	tăng	218	153	181
1	Lĩnh vực đất đai	407	290	57	tăng	199	142	173
2	Khoáng sản	10	6	-	tăng	-	-	1
3	Tài nguyên nước	-	-	-	tăng	-	-	-
4	Môi trường	38	35	6	tăng	19	11	7
5	Khác	6	2	-	tăng	-	-	-

Phụ lục 05: Tiến độ lập, điều chỉnh phương án quy hoạch, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên đơn vị hành chính lập QH-KH	Phương án sử dụng đất/Quy hoạch sử dụng đất		KHSDD năm 2022 cấp huyện	Ghi chú
		Phương án sử dụng đất cấp tỉnh	Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện		
I	Cấp tỉnh	<p>Ngày 06/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 16/CV-LDQHT ngày 29/11/2021 của Liên danh nhà thầu tư vấn quy hoạch tỉnh Thái Bình về việc hoàn thiện phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh. Tại Văn bản số 16/CV-LDQHT ngày 29/11/2021, Liên danh nhà thầu tư vấn quy hoạch tỉnh Thái Bình dự kiến tiến độ hoàn thành phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh để xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường tháng 4/2022. Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn (đơn vị tư vấn thực hiện nội dung xây dựng phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai</p>			

		theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh) chủ động liên hệ với đơn vị tư vấn lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 để phối hợp trong việc dự kiến chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ cho tỉnh Thái Bình; khẩn trương bố trí làm việc trực tiếp với các sở, ban, ngành, UBND huyện thành phố để hoàn thiện hồ sơ phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đảm bảo chất lượng phương án quy hoạch và tiến độ thời gian xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường.			
II	Cấp huyện				
1	Số huyện đã hoàn thành		03/08		

2	Số huyện đang triển khai		05/08	08/08	<p>Đối với QHSD đất cấp huyện: Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đã thông qua phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố còn lại, các địa phương đang hoàn thiện đề trình UBND tỉnh phê duyệt.</p> <p>Đối với KHSDD năm 2022: Hiện nay đang chờ Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua danh mục đề trình phê duyệt KHSDD</p>
3	Số huyện chưa triển khai		0	0	

Phụ lục 06: Kết quả giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp GCN
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)		
		Tổng	Sử dụng vào mục đích nông nghiệp	Vào mục đích phi nông nghiệp
I	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	150,85		150,85
II	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	4,92		4,92
III	Cho thuê đất	127,16		127,16
IV	Cho phép chuyển mục đích			
1	Từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp			
	Trong đó đất trồng lúa			
	Đất có rừng, phòng hộ, đặc dụng			
2	Chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp			
3	Chuyển nội bộ đất PNN			
V	Kết quả cấp GCN trong năm 2021			
	Trong đó, cấp lần đầu:	325,59		325,59
Kết quả xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai				
	Số huyện đã hoàn thành	Số đơn vị cấp huyện đã hoàn thành và đang vận hành		Số đơn vị cấp huyện đang triển khai
	01	01		07

Phụ lục 07: Nguồn thu từ tài nguyên và môi trường*(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

STT	Nội dung	Thu ngân sách (triệu đồng)		Ghi chú
		Tổng số	So sánh với năm 2020	
1	Lĩnh vực đất đai	3.655.400	123%	<i>Theo số liệu báo cáo của Cục thuế tỉnh tại Công văn số 10186/CT-HKDCN ngày 10/12/2021</i>
2	Khoáng sản			
3	Tài nguyên nước			
4	Môi trường			
5	Biển và hải đảo			
6	Khí tượng thủy văn			
7	Đo đạc và Bản đồ			

Phu lục 08: Tình hình cấp phép tài nguyên và môi trường
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Loại giấy phép	Tổng số giấy phép đã cấp	Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên (tỷ đồng)			Tổng số giấy phép cấp phân theo thẩm quyền					
			Lũy kế đến thời điểm báo cáo	Số thu trong năm báo cáo	Số tiền phê duyệt của năm báo cáo	Bộ TNMT cấp			Địa phương cấp		
						Lũy kế đến kỳ trước	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Thay đổi	Lũy kế đến kỳ trước	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Thay đổi
(1)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(7)-(6)	(9)	(10)	(11)=(9)-(8)			
1	Giấy phép về tài nguyên nước	213			0,012	10	10	0	181	203	22
2	Giấy phép về khoáng sản	12				4	4		8	8	
3	Tài nguyên môi trường biển	05				1	1		4	4	

Ghi chú: Đến thời điểm hiện tại chưa có số liệu mục (4) (5).

Phụ lục 09. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về môi trường cấp tỉnh
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện 2021	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Số đô thị (loại IV trở lên) có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Đô thị	01	100
2	Số khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Khu	05	83
3	Số nguồn thải có hệ thống quan trắc tự động, liên tục	Cơ sở	12	14
	Trong đó, số khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	Khu	04	67
4	Cụm công nghiệp có kết nối hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tập trung	Cụm	07	16
5	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoàn thành biện pháp xử lý triệt để	Cơ sở	37	89,47
6	Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn	Tấn	990 - 1.045	
6.1	Chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh	Tấn/ngày	145-200	
	Trong đó, được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tấn/ngày	145-200	100
	Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học	Tấn/ngày	-	
6.2	Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn	Tấn/ngày	845	
	Trong đó, được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tấn/ngày	785	93
	Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học	Tấn/ngày	-	
7	Số lượng và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Tấn/ngày		
	Số lượng	Khu	02	
	Diện tích	Ha	19.000	